

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo.

Ông Phan văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Mai Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và Phạm Văn Q có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H sinh sống cùng mẹ chồng tại thôn V, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung. Đến năm 2019, vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phạm Văn Q không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường hay cãi nhau, gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng hai năm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên là Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 18/8/2008 và Phạm Minh A, sinh ngày 23/9/2013 hiện nay hai cháu đang ở với anh Q và gia đình nhà anh Q. Khi ly hôn chị Mai Thị H yêu cầu anh Phạm Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung Phạm Thị Quỳnh H và Phạm Minh A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/người con chung/tháng (tám trăm nghìn đồng một tháng cho một người con chung), tổng cộng là 1.600.000đ/hai người con chung/tháng (một triệu sáu trăm nghìn đồng một tháng cho hai con).

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh Phạm Văn Q là bà Phạm Thị N và tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án nguyên đơn chị Mai Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị H. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 18/8/2008 và Phạm Minh A, sinh ngày 23/9/2013 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng/người (tám trăm nghìn đồng một tháng cho một người con chung) đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Mai Thị H

có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí, buộc nguyên đơn Mai Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã L huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn Q không hợp tác mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho mẹ đẻ anh Q là bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N cũng thừa nhận rằng các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho bà, bà đã thông báo cho con trai bà là anh Phạm Văn Q nhưng anh Q không đến Tòa án để giải quyết và thông báo cho bà N biết về quan hệ hôn nhân anh Q nhất trí ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Q theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Văn Q và chị Mai Thị H được tìm hiểu nhau, sau đó lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Từ năm 2017, anh Phạm Văn Q không tu chí làm ăn, thường xuyên cãi chửi vợ, mâu thuẫn ngày càng nhiều mặc dù chị H và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi; đến năm 2019 chị H bỏ về nhà bố đẻ tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân và không liên lạc gì với nhau. Hiện nay chị Mai Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn gia đình giữa anh Q và chị H thì được bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh Q cho biết anh Phạm Văn Q và chị Mai Thị H đi làm công ty mỗi người ở một nơi nên xảy ra mâu thuẫn gia đình đến năm 2019 thì chị H không về nhà cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái cùng với anh Q nữa.

Anh Phạm Văn Q không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Mai Thị H có đơn xin ly hôn với anh Q. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Mai Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Mai Thị H và anh Phạm Văn Q có hai người con chung là Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 18/8/2008 và Phạm Minh A, sinh ngày 23/9/2013. Khi ly hôn chị Mai Thị H yêu cầu anh Phạm Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung Phạm Thị Quỳnh H và Phạm Minh A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/người con chung/tháng (tám trăm nghìn đồng một tháng cho một người con chung), tổng cộng là 1.600.000đ/hai người con chung/tháng (một triệu sáu trăm nghìn đồng một tháng cho hai con). Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Văn Q vắng mặt nhưng mẹ anh Phạm Văn Q là bà Phạm Thị N cho biết anh Q vẫn có nguyện vọng được nuôi các con chung, hiện nay các cháu Phạm Thị Quỳnh H và Phạm Minh A đang ở cùng nhà anh Q và bà N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu là có nguyện vọng được ở cùng với anh Q. Xét thấy để ổn định cuộc sống của hai cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị H để các con chung cho anh Phạm Văn Q nuôi dưỡng các con chung là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng (tám trăm nghìn đồng một tháng cho một người con chung), tổng cộng là 1.600.000đ/hai người con chung/tháng (một triệu sáu trăm nghìn đồng một tháng cho hai con chung) đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hoàn toàn tự nguyện và đúng với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị Mai Thị H.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Mai Thị H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Q vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Mai Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Mai Thị H. Chị Mai Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 18/8/2008 và cháu Phạm Minh A, sinh ngày 23/9/2013 cho anh Phạm Văn Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là 800.000đ/tháng/ người con (tám trăm nghìn đồng trên tháng một người con), tổng cộng là 1.600.000đ/tháng/hai người con (một triệu sáu trăm nghìn đồng cho hai người con) cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2022 cho đến khi cháu Phạm Thị Quỳnh H và cháu Phạm Minh A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Mai Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); tổng cộng chị Mai Thị H phải nộp 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Mai Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002627 ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Mai Thị H còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã C, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Công Đức